

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 42/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9- 2017

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2017 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Sóc Ruộng I, xã T, huyện Q, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trí K, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp 10, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 2 năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Trí K chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2015 theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi mắng đánh đập chị H, nhiều lần chị H phải nhờ ban ấp can thiệp hòa giải nhưng không được, tình cảm vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 09/2016 cho đến nay và

không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh K nữa nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 chung tên Nguyễn Anh P, sinh ngày 14/08/2015. Hiện nay cháu P đang ở cùng với chị H. Nay ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tuy nhiên, ngày 09/5/2017 chị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nữa.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu tòa giải quyết

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh K vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của anh K được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Anh K vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 92/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2017 nhưng anh K vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật tố tụng

Về thành phần tham gia xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Tòa án lập biên bản nhận đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thụ lý vụ án phân công thẩm phán giải quyết đúng quy định tại Điều 195, Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp trong vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành thụ lý được định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, việc Tòa án nhân dân huyện Chơn thành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo quy định tại Điều 206 đến Điều 211 BLTTDS

Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203, Điều 233 BLTTDS

Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Nội dung và hình thức đảm bảo quy định tại Điều 220 BLTTDS

Về tổng đạt văn bản tố tụng: Đúng quy định tại Điều 170, Điều 171, Điều 208 BLTTDS

Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát: Đảm bảo đúng quy định tại điều 220 BLTTDS

Về thu thập chứng cứ: Đúng nguyên tắc về việc xác minh, thu thập chứng cứ quy định tại điều 97, 98 BLTTDS

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử thực hiện đúng định pháp luật của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 BLTTDS

Đối với những người tham gia tố tụng khác: Đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 77, Điều 78 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp kiểm sát viên phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21, Điều 97 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Trí K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước vào năm 2015. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hôn nhân giữa chị Hòa, anh K không hòa hợp, tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, lời khai bị đơn đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Trí K

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh K có 01 con chung tên Nguyễn Anh P hiện đang sống cùng cha mẹ, chị H có nguyện vọng được nuôi con. Theo chứng cứ xác định từ khi chị H và anh K sống ly thân tới nay thì cháu P cũng sống cùng chị H và chị H là lao động có thu nhập đảm bảo nuôi con. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H về nuôi con chung là giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung,: Do đương sự không yêu cầu nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thu H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn anh Nguyễn Trí K có nơi cư trú tại tổ 10, ấp 10, xã M, huyện Cnh, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Trí K nhưng do anh K đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng anh K vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thu H, Hội đồng xét

xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Trí K tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay chị H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh K thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiểng chuyện chửi mắng đánh đập chị H nhiều lần chị H phải nhờ ban ấp can thiệp hòa giải nhưng không được. Chính điều này làm cho tình cảm vợ chồng căng thẳng, không thể chung sống được với nhau, chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K. Đồng thời anh chị cũng có thời gian dài sống ly thân, điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H, anh K là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục. Về phía anh K Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho chị H và anh K đoàn tụ nhưng anh K vắng mặt. Do đó yêu cầu của chị H về việc yêu cầu được ly hôn với anh K là chính đáng và cần được chấp nhận.

Về nuôi con chung: Hội đồng xét thấy chị H và anh K có 01 chung tên Nguyễn Anh P, sinh ngày 14/08/2015. Xét thấy về điều kiện và khả năng nuôi con thì hiện nay chị H có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng thu nhập 5.500.000 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác căn cứ khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “ *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do hiện nay cháu P chưa tròn 36 tháng tuổi và từ trước tới nay vẫn do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H vẫn đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng cháu P. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị H là giao con chung Nguyễn Anh P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng nhưng vào ngày 09/5/2017 chị H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện của Minh không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Việc rút yêu cầu khởi kiện của chị H là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 217, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- *Về hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Trí K

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Anh P, sinh ngày 14/08/2015 cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: chị Nguyễn Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008588 ngày 20/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Thành Phạm Xuân Đính

Ung Thị Ngọc Thanh